

Bản án số: 03/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 29/01/2018

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ XUYỀN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Tuyền.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Minh Đoan và ông Trần Tuấn Anh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Khích - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 185/2017/TLST – HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2018/QĐXXST - DS ngày 15 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phùng Thị H, sinh năm 1975

Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Tiểu khu P, thị trấn P, huyện P, Thành phố H.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1969

Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Tiểu khu P, thị trấn P, huyện P, Thành phố H.

(có mặt các bên đương sự).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 13/10/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Phùng Thị H trình bày như sau:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn Ch từ năm 1995 là hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P, huyện P, Thành phố H. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại tiểu khu P, thị trấn P, huyện P, Thành phố H. Sau một thời gian chung sống ngắn, cuộc sống vợ chồng đã có mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính cách, bất đồng về quan điểm sống, phần khác do anh Ch không quan tâm và không có trách nhiệm đến gia đình, vợ con kể cả về tình cảm và kinh tế, một mình chị phải lo toan kinh tế nuôi con, cuộc sống mệt mỏi nhưng chị vẫn cố gắng vì các con. Cuộc sống vợ chồng kéo dài nhiều năm trong tình trạng tình cảm lạnh nhạt. Đến năm 2011, công việc làm ăn của chị không thuận lợi, kinh tế gia đình rơi vào hoàn cảnh khó khăn, vất vả nhưng anh Ch không thay đổi vẫn đi tối ngày không chăm sóc gia đình, nuôi nấng các con. Mâu thuẫn vợ chồng bế tắc, không có khả năng thay đổi. Khoảng đầu năm 2015, anh Ch ở luôn tại trang trại của bạn, không về nhà. Vợ chồng ly thân được hơn một năm thì chị đã làm đơn xin ly hôn ra Tòa. Sau đó anh Ch có hứa hẹn sẽ thay đổi nên chị đã rút đơn để đoàn tụ vợ chồng, cho anh Ch thêm thời gian để thay đổi nhằm giữ cuộc sống gia đình vì các con. Tuy nhiên anh Ch vẫn không thay đổi, ăn ở tại nhà bạn không về nhà. Từ đó vợ chồng vẫn tiếp tục ly thân không ai quan tâm đến ai.

Do thời gian ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân tồn tại chỉ là hình thức nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Tư C, sinh ngày 22/11/1996 và Nguyễn Quang Tr, sinh ngày 19/5/1998 đều đã thành niên, phát triển bình thường nên ly hôn chị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng.

Về công nợ chung: Vợ chồng không có công nợ chung nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là anh Nguyễn Văn Ch trình bày:

Anh Ch xác nhận về quá trình kết hôn, chung sống vợ chồng như chị H trình bày. Anh Ch thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do đặc thù công việc làm nghề than, anh đi làm từ sáng đến tối ít có thời gian quan tâm đến vợ con. Sau đó anh làm ở trang trại và thường xuyên ở đó, thỉnh thoảng về nhà. Đến khoảng 2015, anh ở hẳn trang trại để trông nom, không về ở nhà, thỉnh thoảng mới về chơi. Mặc dù thừa nhận vợ chồng không có quan hệ tình cảm từ lâu, tuy nhiên anh cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không có gì lớn và anh vẫn còn tình cảm với chị H, vì vậy anh không đồng ý ly hôn với chị H và phần cũng sợ mang tiếng với làng xóm nếu ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Tư C, sinh ngày 22/11/1996 và Nguyễn Quang Tr, sinh ngày 19/5/1998 đều đã thành niên, phát triển bình thường nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng.

Về công nợ chung: Vợ chồng không có công nợ chung nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện VKSND tham gia phiên toà xác định:

- Quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định về thu thập chứng cứ, chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Các đương sự đã được tạo mọi điều kiện để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự; Đương sự có mặt đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình xem xét, quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H. Cho chị H được ly hôn anh Chính.

Về con chung: 02 con chung đã trưởng thành, phát triển bình thường nên không xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự và quan điểm của Đại diện VKSND, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án về quan hệ hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Nơi cư trú của bị đơn trên địa bàn huyện P, thành phố H. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện P thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân và yêu cầu của các bên:

Chị Phùng Thị H và anh Nguyễn Văn Ch kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Phú M, huyện Phú X, tỉnh HT (Nay là Thành phố H) ngày 20/11/1995 (Giấy chứng nhận kết hôn số 20, quyển số 01), quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn, tình cảm vợ chồng anh chị đã có biểu hiện rạn nứt, anh chị đã cố gắng để hàn gắn nhưng không có kết quả mà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Sự trình bày của hai bên khác nhau về thời điểm phát sinh, nguyên nhân, biểu hiện và mức độ của mâu thuẫn. Song rõ ràng qua lời trình bày và quan điểm của anh chị cho thấy hai bên không tìm được tiếng nói chung và luôn lý giải khác biệt nhau về cùng một vấn đề. Điều đó chứng tỏ anh chị có sự bất đồng lớn về quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015, không còn quan hệ tình cảm lẫn kinh tế. Chỉ có thể lý giải những hiện tượng này trên cơ sở những đổ vỡ từ thực tế cuộc hôn nhân và tình cảm của anh chị chứ không thể đổ lỗi cho một bên được. Năm 2016, chị H đã gửi đơn xin ly hôn ra Tòa án, nhưng sau đó xin rút đơn để có thêm thời gian nhằm níu kéo tình cảm vợ chồng nhưng không hàn gắn được, hai anh chị vẫn sống ly thân cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã hoà giải để hai bên hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, hôn nhân tồn tại chỉ là hình thức nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Tư C, sinh ngày 22/11/1996 và Nguyễn Quang Tr, sinh ngày 19/5/1998 đều đã thành niên, phát triển bình thường, anh chị không đề nghị Tòa án xét nên Tòa án không xét.

[4] Về tài sản chung: Chị H, anh Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về công nợ: Chị H, anh Ch xác nhận vợ chồng không vay mượn ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét, nếu sau khi ly hôn có tổ chức, cá nhân nào đến yêu cầu Tòa án giải quyết về việc vợ chồng vay nợ thì xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

[5] Về án phí: Chị Phùng Thị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo luật định. Căn cứ Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án thì chị H chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 28.800.000 đồng chị H đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AE/2010/0004864 ngày 18/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P. Trả lại cho chị H số tiền 28.500.000 đồng (hai tám triệu, năm trăm nghìn đồng).

[6] Về quyền kháng cáo: Chị H, anh Ch có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chị Phùng Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn Ch.
2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Tư C, sinh ngày 22/11/1996 và Nguyễn Quang Tr, sinh ngày 19/5/1998 đều đã thành niên, phát triển bình thường, anh chị không đề nghị Tòa án xét nên Tòa án không xét.
3. Về tài sản chung: Chị H, anh Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

Về công nợ chung: Chị H, anh Ch xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

4. Về án phí: Chị Phùng Thị H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 28.800.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AE/2010/0004864 ngày 18/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, thành phố H. Trả lại cho chị H số tiền 28.500.000 đồng (hai tám triệu, năm trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Chị H, anh Ch có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trở lời hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TANDTP H;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THA huyện P;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn P, huyện P;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Trí Tuyền